

**DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
CHUYÊN KHOA CẤP II NĂM 2023 - HỆ TẬP TRUNG**

1. Chuyên ngành Chẩn đoán hình ảnh (Siêu âm): 01 học viên

STT	TT	Họ và tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại
1.	1.	Võ Hà Nhật Thúy	Nữ	06/03/1980	Đồng Nai	Khá

2. Chuyên ngành Chẩn đoán hình ảnh (X Quang): 06 học viên

2.	1.	Thiều Lê Duy	Nam	22/11/1987	Hậu Giang	Giỏi
3.	2.	Ngô Quang Hưng	Nam	26/04/1983	TP. Hồ Chí Minh	Giỏi
4.	3.	Nguyễn Cảnh Hưng	Nam	10/02/1993	Nghệ An	Khá
5.	4.	Huỳnh Tuấn Huy	Nam	04/11/1986	Khánh Hòa	Khá
6.	5.	Lê Quang Khang	Nam	28/08/1984	Quảng Ngãi	Giỏi
7.	6.	Lê Minh Thắng	Nam	15/12/1989	Gia Lai	Giỏi

3. Chuyên ngành Chẩn thương chỉnh hình: 06 học viên

8.	1.	Nguyễn Anh Khoa	Nam	01/09/1985	TP. Hồ Chí Minh	Giỏi
9.	2.	Bùi Châu Khoa	Nam	29/03/1987	TP. Hồ Chí Minh	Khá
10.	3.	Nguyễn Ngọc Nghĩa	Nam	08/10/1981	Thừa Thiên Huế	Khá
11.	4.	Lê Xuân Nhân	Nam	10/11/1977	Bình Định	Khá
12.	5.	Lê Hoàng Trúc Phương	Nam	27/01/1986	Tiền Giang	Khá
13.	6.	Nguyễn Mạnh Tuấn	Nam	29/11/1986	Quảng Trị	Khá

4. Chuyên ngành Da liễu: 06 học viên

14.	1.	Nguyễn Phạm Ngọc Minh	Nữ	24/01/1988	TP. Hồ Chí Minh	Giỏi
15.	2.	Lê Thanh Nhân	Nam	30/11/1972	Bình Định	Khá
16.	3.	Đoàn Thị Thiện Tâm	Nữ	14/01/1990	Thừa Thiên Huế	Khá
17.	4.	Trần Lê Mai Thảo	Nữ	01/05/1983	Quảng Ngãi	Khá
18.	5.	Nguyễn Thị Kiều Trang	Nữ	19/05/1987	Lâm Đồng	Khá
19.	6.	Nguyễn Thị Phương Trang	Nữ	25/05/1987	Đắk Lắk	Giỏi

5. Chuyên ngành Gây mê hồi sức: 07 học viên

20.	1.	Phạm Đông An	Nam	20/12/1970	Đà Nẵng	Khá
21.	2.	Trương Vân Anh	Nữ	26/02/1983	Gia Lai	Khá
22.	3.	Nguyễn Thị Kim Hà	Nữ	18/09/1977	Bình Thuận	Khá
23.	4.	Nguyễn Thùy Linh	Nữ	08/07/1982	Đồng Tháp	Giỏi
24.	5.	Doanh Đức Long	Nam	09/01/1989	Lâm Đồng	Giỏi
25.	6.	Nguyễn Anh Thư	Nữ	06/06/1987	Thừa Thiên Huế	Giỏi
26.	7.	Lục Chánh Trí	Nam	10/07/1975	TP. Hồ Chí Minh	Khá

6. Chuyên ngành Giải phẫu bệnh: 04 học viên

27.	1.	Vũ Thị Hiếu	Nữ	17/08/1986	TP. Hồ Chí Minh	Giỏi
28.	2.	Nguyễn Văn Lập	Nam	16/04/1977	Bạc Liêu	Giỏi
29.	3.	Phạm Quang Thông	Nam	20/02/1986	TP. Hồ Chí Minh	Giỏi
30.	4.	Thái Anh Tú	Nam	05/04/1972	Bình Định	Giỏi

STT	TT	Họ và tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại
7. Chuyên ngành Hóa sinh: 01 học viên						
31.	1.	Lưu Tiến Dũng	Nam	02/02/1990	Gia Lai	Khá
8. Chuyên ngành Hồi sức cấp cứu: 04 học viên						
32.	1.	Hồ Thế Công	Nam	26/03/1989	Hà Tĩnh	Khá
33.	2.	Dương Xuân Nguyên	Nam	04/03/1983	Quảng Ninh	Khá
34.	3.	Nguyễn Thanh Thái	Nam	10/10/1988	Bình Định	Giỏi
35.	4.	Trần Thanh Thảo	Nữ	04/12/1986	Long An	Giỏi
9. Chuyên ngành Huyết học: 01 học viên						
36.	1.	Trương Thị Minh Khang	Nữ	14/07/1984	Cần Thơ	Giỏi
10. Chuyên ngành Lao: 04 học viên						
37.	1.	Phạm Công Hiệp	Nam	24/01/1980	Hà Nội	Giỏi
38.	2.	Đỗ Lê Anh Khoa	Nam	20/12/1975	Bình Định	Giỏi
39.	3.	Hoàng Chân Phương	Nữ	13/11/1979	TP. Hồ Chí Minh	Giỏi
40.	4.	Nguyễn Công Trục	Nam	15/04/1983	Thừa Thiên Huế	Giỏi
11. Chuyên ngành Lão khoa: 01 học viên						
41.	1.	Nguyễn Quốc Việt	Nam	14/10/1988	TP. Hồ Chí Minh	Giỏi
12. Chuyên ngành Ngoại khoa: 08 học viên						
42.	1.	Nguyễn Huy Giang	Nam	25/01/1982	Hải Phòng	Giỏi
43.	2.	Bành Trung Hiếu	Nam	06/02/1989	An Giang	Giỏi
44.	3.	Nguyễn Ngọc Huân	Nam	17/10/1985	Thanh Hóa	Giỏi
45.	4.	Trần Đình Phú	Nam	20/04/1990	TP. Hồ Chí Minh	Giỏi
46.	5.	Ngô Hoàng Minh Thiện	Nam	12/05/1984	Tây Ninh	Giỏi
47.	6.	Nguyễn Quốc Toàn	Nam	20/09/1983	Phú Yên	Khá
48.	7.	Lê Văn Trung	Nam	20/02/1983	Bình Thuận	Khá
49.	8.	Nguyễn Thái Tuấn	Nam	20/07/1981	Đồng Nai	Giỏi
13. Chuyên ngành Ngoại - Lồng ngực: 04 học viên						
50.	1.	Phan Sơn An	Nam	09/10/1992	Tiền Giang	Giỏi
51.	2.	Nguyễn Thành Luân	Nam	03/11/1992	Long An	Giỏi
52.	3.	Trần Minh Quân	Nam	12/11/1992	Đồng Tháp	Giỏi
53.	4.	Nguyễn Thị Ngọc Thủy	Nữ	02/07/1980	TP. Hồ Chí Minh	Giỏi
14. Chuyên ngành Ngoại - Nhi: 02 học viên						
54.	1.	Chu Văn Lai	Nam	17/07/1983	Thái Bình	Giỏi
55.	2.	Nguyễn Thị Trúc Linh	Nữ	15/11/1980	Bến Tre	Giỏi
15. Chuyên ngành Ngoại - Thần kinh và sọ não: 04 học viên						
56.	1.	Huỳnh Quốc Bảo	Nam	28/02/1986	TP. Hồ Chí Minh	Giỏi
57.	2.	Quách Tiến Dũng	Nam	16/08/1988	Sóc Trăng	Giỏi
58.	3.	Nguyễn Minh Đức	Nam	06/02/1985	Khánh Hòa	Khá
59.	4.	Nguyễn Nhật Linh	Nam	22/12/1981	Tiền Giang	Giỏi
16. Chuyên ngành Ngoại – Tiết niệu: 05 học viên						
60.	1.	Nguyễn Thúc Bảo	Nam	13/12/1981	Bến Tre	Khá
61.	2.	Nguyễn Ngọc Đông	Nam	25/02/1978	Bến Tre	Giỏi

STT	TT	Họ và tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại
62.	3.	Phuong Xuân Học	Nam	07/08/1979	Bắc Ninh	Khá
63.	4.	Trần Hải Phong	Nam	24/02/1976	Hải Dương	Khá
64.	5.	Phó Minh Tín	Nam	15/01/1979	Trà Vinh	Giỏi

17. Chuyên ngành Nhân khoa: 04 học viên

65.	1.	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	26/11/1986	Thanh Hóa	Giỏi
66.	2.	Trương Nguyễn Bảo Châu	Nữ	10/09/1992	Quảng Trị	Giỏi
67.	3.	Nguyễn Thị Minh Thư	Nữ	27/02/1977	Bến Tre	Giỏi
68.	4.	Ngô Thị Thanh Tú	Nữ	04/10/1977	Cần Thơ	Giỏi

18. Chuyên ngành Nhi - Hô hấp: 04 học viên

69.	1.	Nguyễn Thị Việt Hân	Nữ	13/11/1977	Bình Thuận	Giỏi
70.	2.	Phạm Kim Loan	Nữ	14/07/1977	Đồng Tháp	Giỏi
71.	3.	Võ Thành Nhân	Nam	02/10/1988	TP. Hồ Chí Minh	Khá
72.	4.	Lê Bình Bảo Tịnh	Nam	11/03/1978	TP. Hồ Chí Minh	Giỏi

19. Chuyên ngành Nhi - Hồi sức: 02 học viên

73.	1.	Phạm Hoàng Minh Khôi	Nam	16/10/1979	TP. Hồ Chí Minh	Khá
74.	2.	Trần Minh Mẫn	Nam	07/05/1989	Long An	Khá

20. Chuyên ngành Nhi: Huyết học - Ung bướu: 02 học viên

75.	1.	Nguyễn Thị Mai Anh	Nữ	17/03/1986	TP. Hồ Chí Minh	Giỏi
76.	2.	Phạm Ngọc Thắm	Nữ	14/07/1987	Tiền Giang	Khá

21. Chuyên ngành Nhi - Nội tiết và chuyển hóa: 01 học viên

77.	1.	Trần Thị Bích Huyền	Nữ	30/07/1982	TP. Hồ Chí Minh	Giỏi
-----	----	---------------------	----	------------	-----------------	------

22. Chuyên ngành Nhi - Sơ sinh: 02 học viên

78.	1.	Võ Loan Anh	Nữ	21/11/1983	Tiền Giang	Giỏi
79.	2.	Lê Anh Thi	Nam	02/01/1987	Trà Vinh	Khá

23. Chuyên ngành Nhi - Tiêu hóa: 04 học viên

80.	1.	Nguyễn Thị Hồng Loan	Nữ	06/08/1976	Bình Phước	Giỏi
81.	2.	Nguyễn Thị Thu Thủy	Nữ	15/09/1975	Tây Ninh	Giỏi
82.	3.	Châu Tố Uyên	Nữ	15/06/1986	Long An	Khá
83.	4.	Nguyễn Diệu Vinh	Nữ	09/01/1977	Bình Định	Giỏi

24. Chuyên ngành Nhi - Tim mạch: 01 học viên

84.	1.	Trịnh Phượng Kiều	Nữ	09/12/1987	TP. Hồ Chí Minh	Giỏi
-----	----	-------------------	----	------------	-----------------	------

25. Chuyên ngành Nhi - Thận: 01 học viên

85.	1.	Lê Thanh Bình	Nam	09/02/1983	An Giang	Khá
-----	----	---------------	-----	------------	----------	-----

26. Chuyên ngành Nội - Hô hấp: 01 học viên

86.	1.	Nguyễn Thị Ngọc Yến	Nữ	26/09/1985	Bình Dương	Khá
-----	----	---------------------	----	------------	------------	-----

27. Chuyên ngành Nội - Thận tiết niệu: 03 học viên

87.	1.	Nguyễn Công Bình	Nam	07/08/1986	Đắk Lắk	Khá
88.	2.	Trần Văn Điền	Nam	1984	Bến Tre	Khá
89.	3.	Lê Thị Thu Thảo	Nữ	23/10/1988	Quảng Ngãi	Khá

28. Chuyên ngành Nội - Tiêu hóa: 03 học viên

STT	TT	Họ và tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại
90.	1.	Trần Thanh Duy	Nam	15/07/1985	Bến Tre	Khá
91.	2.	Nguyễn Anh Thư	Nữ	19/11/1988	Cần Thơ	Khá
92.	3.	Trần Thị Thanh Vân	Nữ	11/05/1987	Lâm Đồng	Khá

29. Chuyên ngành Nội - Tim mạch: 09 học viên

93.	1.	Thái Thị Anh Chi	Nữ	15/12/1987	Long An	Khá
94.	2.	Nguyễn Quỳnh Dao	Nữ	02/01/1974	TP. Hồ Chí Minh	Khá
95.	3.	Nguyễn Vũ Đạt	Nam	20/10/1986	TP. Hồ Chí Minh	Khá
96.	4.	Huỳnh Minh Hồng	Nam	09/12/1981	An Giang	Khá
97.	5.	Trần Quốc Huy	Nam	23/05/1983	Cà Mau	Trung bình
98.	6.	Trần Hoàng Long	Nam	13/07/1980	TP. Hồ Chí Minh	Khá
99.	7.	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Nữ	04/03/1983	An Giang	Khá
100.	8.	Nguyễn Trần Tuyết Trinh	Nữ	26/12/1985	Hậu Giang	Khá
101.	9.	Nguyễn Thanh Tú	Nam	03/06/1974	Đồng Tháp	Khá

30. Chuyên ngành Nội tiết: 04 học viên

102.	1.	Trần Thị Ngọc Anh	Nữ	16/07/1988	Thừa Thiên Huế	Giỏi
103.	2.	Đỗ Thị Hạ Kỳ	Nữ	10/04/1979	Đồng Nai	Khá
104.	3.	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	16/09/1984	Hải Phòng	Khá
105.	4.	Mai Trọng Trí	Nam	09/01/1987	An Giang	Khá

31. Chuyên ngành Răng Hàm Mặt: 12 học viên

106.	1.	Nguyễn Thị Lan Anh	Nữ	16/09/1981	TP. Hồ Chí Minh	Giỏi
107.	2.	Hồ Đăng Hồng Ân	Nữ	23/10/1974	Bình Thuận	Giỏi
108.	3.	Diệp Bửu Chi	Nữ	31/01/1979	TP. Hồ Chí Minh	Giỏi
109.	4.	Nguyễn Thị Khánh Hà	Nữ	18/02/1986	Khánh Hòa	Giỏi
110.	5.	Đặng Mỹ Hằng	Nữ	16/03/1980	Cần Thơ	Giỏi
111.	6.	Lâm Thành Hiến	Nam	12/08/1980	An Giang	Giỏi
112.	7.	Vũ Quang Hòa	Nam	01/01/1984	Hải Dương	Giỏi
113.	8.	Trần Minh Hồng	Nam	25/01/1975	Phú Yên	Giỏi
114.	9.	Nguyễn Tuyết Oanh	Nữ	17/08/1972	TP. Hồ Chí Minh	Giỏi
115.	10.	Trần Thanh Tâm	Nam	28/04/1979	Tiền Giang	Khá
116.	11.	Hà Duy Thái	Nam	18/10/1984	Bình Dương	Giỏi
117.	12.	Lê Hữu Trình	Nam	27/12/1989	Khánh Hòa	Giỏi

32. Chuyên ngành Quản lý y tế: 01 học viên

118.	1.	Nguyễn Thành Đạt	Nam	15/04/1974	TP. Hồ Chí Minh	Giỏi
------	----	------------------	-----	------------	-----------------	------

33. Chuyên ngành Sản phụ khoa: 13 học viên

119.	1.	Đỗ Thị Lan Hương	Nữ	15/03/1987	Gia Lai	Khá
120.	2.	Vương Thùy Hương	Nữ	12/04/1980	TP. Hồ Chí Minh	Khá
121.	3.	Lê Thị Thanh Huyền	Nữ	15/02/1981	Ninh Thuận	Khá
122.	4.	Trần Quế Lâm	Nam	05/02/1971	Hưng Yên	Khá
123.	5.	Nguyễn Văn Nguyên	Nam	18/07/1971	Đà Nẵng	Khá
124.	6.	Huỳnh Thành Nhân	Nam	25/03/1983	Gia Lai	Khá
125.	7.	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Nữ	28/08/1988	TP. Hồ Chí Minh	Khá

STT	TT	Họ và tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại
126.	8.	Nguyễn Hữu Quang	Nam	19/08/1972	Hà Nội	Trung bình
127.	9.	Nguyễn Hà Ngọc Thiên Thanh	Nữ	19/12/1991	TP. Hồ Chí Minh	Khá
128.	10.	Đặng Thanh Trúc	Nữ	16/04/1984	Đồng Nai	Khá
129.	11.	Hoàng Thị Ánh Tuyết	Nữ	25/01/1990	TP. Hồ Chí Minh	Khá
130.	12.	Nguyễn Thị Hồng Vân	Nữ	05/12/1979	Bình Định	Khá
131.	13.	Nguyễn Thạc Văn	Nam	22/06/1986	Bạc Liêu	Khá

34. Chuyên ngành Tai Mũi Họng (Mũi Họng): 05 học viên

132.	1.	Phạm Kim Long Giang	Nam	28/03/1988	Long An	Giỏi
133.	2.	Bùi Thị Thanh Hiền	Nữ	23/03/1980	Khánh Hòa	Giỏi
134.	3.	Phạm Thị Mai	Nữ	27/12/1986	Bà Rịa - Vũng Tàu	Giỏi
135.	4.	Đình Thị Lan Phương	Nữ	30/09/1988	Đà Nẵng	Khá
136.	5.	Tạ Thị Thùy Trang	Nữ	26/04/1987	An Giang	Khá

35. Chuyên ngành Tai Mũi Họng (Thính học): 02 học viên

137.	1.	Trần Nam Khang	Nam	24/09/1991	TP. Hồ Chí Minh	Khá
138.	2.	Bùi Xuân Trình	Nam	05/09/1988	Lâm Đồng	Khá

36. Chuyên ngành Tâm thần: 01 học viên

139.	1.	Nguyễn Thi Phú	Nam	18/04/1979	Bến Tre	Giỏi
------	----	----------------	-----	------------	---------	------

37. Chuyên ngành Thần kinh: 07 học viên

140.	1.	Nguyễn Thị Trà Giang	Nữ	10/12/1978	Quảng Ngãi	Khá
141.	2.	Đình Huỳnh Tố Hương	Nữ	16/02/1981	Sóc Trăng	Giỏi
142.	3.	Phạm Quỳnh Nga	Nữ	06/06/1981	Lạng Sơn	Giỏi
143.	4.	Huỳnh Xuân Ngọc	Nữ	29/11/1989	Đồng Tháp	Giỏi
144.	5.	Lê Trí Sĩ	Nam	23/01/1985	Đồng Nai	Giỏi
145.	6.	Nguyễn Thị Kim Thoa	Nữ	12/11/1987	Vĩnh Long	Giỏi
146.	7.	Nguyễn Văn Tới	Nam	1982	Đồng Tháp	Khá

38. Chuyên ngành Tổ chức Quản lý dược: 09 học viên

147.	1.	Nguyễn Thị Thuý Hà	Nữ	15/05/1983	TP. Hồ Chí Minh	Khá
148.	2.	Nguyễn Võ Thu Hiền	Nữ	05/05/1991	TP. Hồ Chí Minh	Giỏi
149.	3.	Nguyễn Thanh Hiền	Nam	13/02/1979	Vĩnh Long	Giỏi
150.	4.	Vũ Thị Thúy Hồng	Nữ	20/10/1982	Thanh Hóa	Giỏi
151.	5.	Thượng Công Huy	Nam	09/07/1978	Bến Tre	Giỏi
152.	6.	Trần Ngọc Thanh Ngân	Nữ	04/10/1988	TP. Hồ Chí Minh	Giỏi
153.	7.	Đặng Hữu Tâm	Nam	13/07/1980	Đồng Tháp	Giỏi
154.	8.	Nguyễn Thu Thảo	Nữ	20/12/1989	TP. Hồ Chí Minh	Giỏi
155.	9.	Trịnh Việt Tuấn	Nam	02/05/1986	TP. Hồ Chí Minh	Khá

39. Chuyên ngành Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới: 01 học viên

156.	1.	Nguyễn Phương Thảo	Nữ	10/01/1985	Thanh Hóa	Khá
------	----	--------------------	----	------------	-----------	-----

40. Chuyên ngành Ung thư: 06 học viên

157.	1.	Kim Ngọc Si Ha	Nam	12/08/1986	Trà Vinh	Khá
158.	2.	Lâm Ngọc Mẫn	Nam	23/01/1985	Sóc Trăng	Khá
159.	3.	Nguyễn Thị Kim Ngân	Nữ	07/04/1984	TP. Hồ Chí Minh	Trung bình

STT	TT	Họ và tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại
160.	4.	Lữ Văn Râm	Nam	24/10/1981	Trà Vinh	Khá
161.	5.	Lê Thị Hồng Vân	Nữ	01/12/1986	Hà Nội	Khá
162.	6.	Đoàn Thanh Vinh	Nam	17/09/1990	TP. Hồ Chí Minh	Khá

41. Chuyên ngành Vi khuẩn: 01 học viên

163.	1.	Nguyễn Sử Minh Tuyết	Nữ	11/04/1972	Thừa Thiên Huế	Giỏi
------	----	----------------------	----	------------	----------------	------

Án định danh sách công nhận tốt nghiệp chuyên khoa cấp II hệ tập trung năm 2023 có 163 (một trăm sáu mươi ba) học viên thuộc 41 chuyên ngành./.